

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

I. KHÁI QUÁT CHUNG

*Bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông:

Sau hơn 30 năm đổi mới đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Nước ta đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm các nước phát triển có thu nhập trung bình.

Tuy nhiên những thành tựu về kinh tế nước ta chưa thật sự vững chắc, sức mạnh nguồn lực và sự cạnh tranh nền kinh tế chưa cao, môi trường văn hóa còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa hội đủ các nhân tố để phát triển và bền vững.

*Yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông: Chuyển từ chủ trương giáo dục cho mọi người sang chủ trương mọi người đều phải thực hiện việc học tập suốt đời.

Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Chuyển từ chủ trương giáo dục cho mọi người sang chủ trương mọi người đều phải thực hiện việc học tập suốt đời.

Giáo dục thường xuyên luôn gắn chặt với cộng đồng, mục tiêu của nó nhằm tạo nguồn nhân lực phục vụ những nhiệm vụ kinh tế - xã hội của từng địa phương nên cách tổ chức của nó thường bám chắc trong từng cộng đồng.

Giáo dục đại học phải trở thành công cụ để cải cách và đổi mới nền giáo dục của quốc gia.

*Đặc điểm tình hình giáo dục của nhà trường:

- Trường TH&THCS Việt Anh được thành lập năm 2019 theo quyết định số 1867/QĐ-UBND của UBND quận Lê Chân do bà Đặng Thị Thanh sáng lập.

- Trường đóng tại địa chỉ 751 đường Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh Niệm quận Lê Chân Hải Phòng.



-Trường thực hiện theo mô hình trường tư thục, đảm bảo thực hiện 100% chương trình giáo dục phổ thông 2018 và kết hợp với chương trình riêng, mang đặc thù riêng của trường đã được quận cho phép.

- Năm học 2019-2020 nhà trường bắt đầu tuyển sinh từ lớp 1, đồng thời liên tục tuyển sinh bổ sung và các khối lớp. năm học 2023-2024 trường có khóa học lớp 9 đầu tiên tốt nghiệp

Năm học	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Sĩ số	9	26	33	42	35
Quản lý	2	2	2	2	2
Số lượng GV	11	8	13	23	13

*Đánh giá chung:

- Thuận lợi: - Trường có diện tích rộng, địa hình thuận lợi cho giao thông , có công ra vào thuận lợi cho việc đưa đón học sinh., số lượng phòng học đảm bảo cho các hoạt động dạy và học.

- Chủ tịch hội đồng trường luôn quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung thường xuyên đảm bảo cho hoạt động dạy và học cũng như việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

- Nhà trường tổ chức ăn bán trú với tất cả học sinh nên việc quản lý các em cũng có nhiều thuận lợi.

- Sĩ số từng lớp ít nên giáo viên có điều kiện quan tâm, chăm sóc học sinh kỹ hơn.

- Hạn chế:

- Số lượng học sinh ít, số GV đứng lớp hạn chế nên việc sinh hoạt chuyên môn, công tác bồi dưỡng tự học còn hạn chế.

- Đối tượng học sinh còn có nhiều em hoàn cảnh nên hầu như gửi gắm cho nhà trường, về nhà việc kèm cặp, quan tâm còn hạn chế.

- Trong các năm học nhà trường luôn có sự biến động về sĩ số, dẫn tới luôn có sự thay đổi về đội ngũ giáo viên cũng như quản lý nên hoạt động mang tính chuyên nghiệp, liên hoàn, kế thừa bị hạn chế..

II. NỘI DUNG

1. Công tác chỉ đạo: (đã thống kê ở PL2)

1.1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đổi mới chương trình, sách giáo khoa của UBND các cấp, Sở GDĐT, phòng GDĐT, và nhà trường:

A. Văn bản của Bộ GDĐT:

1.Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT)

2. Công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn triển khai chương trình giáo dục phổ thông

- 3.1- Công văn số 3587/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ GDĐT về việc lựa chọn và tổ chức tập huấn GVCC và CBQLCC
- 3.2- Công văn số 4602/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2019 của Bộ GDĐT về việc triển khai Bồi dưỡng GVCC và CBQLCC theo Công văn 3587
4. Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 của Bộ GDĐT về việc biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông
5. Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019 ban hành danh mục các mô đun bồi dưỡng giáo viên phổ thông (GVPT) cốt cán và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (CBQLCSGDPT) cốt cán để thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT)
6. Kế hoạch 41/KH-BGDĐT ngày 22/01/2020 của Bộ GDĐT về tổ chức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, giảng viên sư phạm, giảng viên giáo dục chủ chốt năm 2020
7. Kế hoạch số 1201/BGDĐT-GDTrH ngày 8/4/2020 về bồi dưỡng giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018
8. Công văn số 3953/BGDĐT-GDTrH ngày 5/10/2020 của Bộ GDĐT về bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán, cán bộ QLCSGDPT cốt cán năm 2020 thuộc CT ETEP
9. Công văn số 5533/BGDĐT-GDTrH ngày 21/12/2020 của Bộ GDĐT v/v đơn đốc bồi dưỡng Modun 1,2
10. Kế hoạch số 37/KH-BGDĐT ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, giảng viên sư phạm, giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt năm 2021
11. Công văn số 733/BGDĐT-GDTrH ngày 01/3/2021 của Bộ GDĐT về việc tổ chức thực nghiệm và lấy ý kiến góp ý bản mẫu sách giáo khoa

B. Văn bản của UBND thành phố + Sở GDĐT:

1. Quyết định số 620/QĐ- UBND ngày 03/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Tiêu chí lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục THCS, THPT trên địa bàn thành phố Hải Phòng
2. Kế hoạch số 1547/KH-SGDĐT ngày 10/8/2021: Kế hoạch triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022.
3. Công văn số 1892/SGDĐT-GDTrH ngày 20/8/2021: Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học cấp THCS, THPT năm học 2021-2022
4. Căn cứ Công văn 1874/SGDĐT-TrH ngày 01/9/2021 của Sở GD&ĐT về thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm 2021-2022.
5. Công văn số 315/SGDĐT- GDTrH ngày 21/2/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đề xuất danh mục lựa chọn SGK năm học 2023-2024.

6. Kế hoạch số 321/KH-SGDĐT ngày 28/2/2023: Kế hoạch triển khai các hoạt động giáo dục phổ thông đổi mới tại Hải Phòng.

7. Công văn số 2773/SGDD-TRH ngày 31/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đề xuất danh mục lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục trung học cho năm học 2023-2024.

8. Công văn số 2010/SGDDĐT-GDTRH ngày 31/8/2023: Về việc tổ chức thực hiện chương trình GDPT 2018 cho lớp 4, lớp 8, lớp 11 năm học 2023-2024.

9. Công văn số 745/SGDDĐT-GDTRH ngày 26/3/2024: Hướng dẫn chuẩn bị cho việc triển khai chương trình GDPT 2018 lớp 5, 9, 12 trong năm học 2024-2025

C. Phòng GD&ĐT quận Lê Chân:

1. Công văn số 18-PGD ngày 04/3/2021 Hướng dẫn tổ chức đề xuất danh mục lựa chọn SGK lớp 6 năm học 2021-2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân

2. Công văn số 26-PGDDĐT- ngày 17/3/2021 Tổ chức lựa chọn SGK theo CTGDPT 2018 - năm học 2021-2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân

3. Công văn số 57-PGDDĐT ngày 26/7/2021 thực hiện chuyên môn Chương trình GDPT 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân

4. Công văn số 60-PGDDĐT ngày 30/7/2021 thực hiện nội dung chuyên môn CTGDPT 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân

5. Công văn số 07-PGDDĐT ngày 22/02/2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo quận Lê Chân về việc đề xuất danh mục SGK.

6. Công văn số 45-Kế hoạch xây dựng hệ thống bài dạy điện tử theo CT GDPT 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân ngày 02/10/2023

7. Công văn số 256-PGDDĐT Tổ chức góp ý các bản mẫu sách giáo khoa lớp 9 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân ngày 29/12/2023

8. Công văn số 47 -PGDDĐT hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa từ năm học 2024-2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân ngày 21/02/2024

9. Công văn số 67-PGDDĐT hướng dẫn tổ chức lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục THCS năm học 2024-2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân ngày 05/3/2024

10. Công văn số 162-PGDDĐT hướng dẫn thông báo danh mục sách giáo khoa được phê duyệt và thống kê số lượng sách giáo khoa cần cung ứng để sử dụng trong năm học 2024-2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân ngày 17/6/2024

1.2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý về CT, SGK.

-Tổ chức 2 chuyên đề cấp trường:

Chuyên đề: 1. Thiết kế bài dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh

2. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu chương trình mới”

- 100% giáo viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng trực tuyến do Bộ và Sở tổ chức, quận và nhà trường tổ chức.

1.3. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, SGK, tài liệu GD địa phương

- + Dù tài liệu cho công tác dạy và học
- + Đảm bảo dạy đúng chương trình, kế hoạch đã xây dựng.
- + thực hiện đúng theo chỉ đạo

1.4. Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai ở các đơn vị.

- + Thành lập Ban chỉ đạo đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo quyết định số 01/QĐ-THCSVA ngày 10/9/2020.
- + Tổ chức 03 đợt tập huấn cho giáo viên cốt cán và đại trà theo khối lớp.
- + Tham mưu mua sắm 20 bộ sách giáo khoa các lớp 6, 7, 8, 9 (theo chương trình GDPT 2018).
- + Rà soát, trang bị bổ sung bảng tương tác cho 4 phòng học và các phòng chức năng.

- **Đánh giá chung**

+ Ưu điểm:

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: THCS: 100%
- Kết quả rèn luyện đạo đức: Hạnh kiểm tốt, khá đạt: 100%
- Học sinh tự tin, chủ động hơn trong học tập, có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Tồn tại:

- Một số môn học tích hợp (Lịch sử và Địa lý, Khoa học tự nhiên) còn gây lúng túng cho giáo viên.
- Thiết bị phục vụ môn Tin học, Khoa học tự nhiên chưa đồng bộ.

2. Về đội ngũ giáo viên

- Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên (đã thống kê số lượng giáo viên theo từng môn học, thừa, thiếu ở bảng PL2).
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên.
 - + 100% giáo viên được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn về chương trình mới.
 - + Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
 - Sự chủ động, sáng tạo của giáo viên trong việc thực hiện CT, SGK
 - + Giáo viên đã tích cực tự nghiên cứu kỹ nội dung chương trình GDPT 2018, hiểu sâu yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh theo từng môn học.
 - + Tích cực đổi mới hình thức tổ chức lớp học như: dạy học theo nhóm nhỏ, dạy học theo dự án, tổ chức trò chơi học tập, sân khấu hóa kiến thức.
 - + Giáo viên xây dựng bộ công cụ kiểm tra đánh giá đa dạng: phiếu đánh

giá, bài tập vận dụng, nhật ký học tập, sản phẩm học tập của học sinh.

+Nhiều giáo viên đã chủ động xây dựng mô hình “Học qua trải nghiệm” như:

- Tổ chức ngày hội STEM.
- Hoạt động ngoại khóa gắn với chủ đề bài học.
- Tham quan thực tế địa phương (nông trại, bảo tàng, di tích lịch sử).

- Đánh giá chung

+Một số giáo viên còn tâm lý e dè trong việc thay đổi thói quen dạy học cũ.

+ Sự sáng tạo trong thiết kế hoạt động học tập chưa đồng đều giữa các tổ, nhóm chuyên môn.

+ Số lượng GV còn ít nên hạn chế việc phát huy năng lực cá nhân trong thảo luận chuyên môn.

3. Về cơ sở vật chất

- Đánh giá tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường trước khi triển khai CT, SGK mới.

+ Nhà trường luôn đảm bảo các danh mục đồ dùng theo yêu cầu từng môn học.

+ Nghiên cứu kế thừa ưu điểm của đồ dùng dạy học theo chương trình cũ để sử dụng.

+ Đảm bảo đầy đủ các danh mục đồ dùng theo từng khối, lớp.

- Kết quả đạt được về đầu tư, nâng cấp CSVC, thiết bị dạy học theo yêu cầu mới

(thống kê về cơ sở vật chất bảng 3 - Phụ lục 2)

(thống kê về thiết bị dạy học bảng 4 - Phụ lục 2)

- Đánh giá chung

+ Ưu điểm: Trong những năm qua, cơ sở vật chất của nhà trường từng bước được đầu tư, cải thiện nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Hầu hết các phòng học đều kiên cố, đảm bảo đủ ánh sáng, diện tích phù hợp, có trang bị bảng chống lóa, bàn ghế đúng quy cách. Các phòng chức năng như phòng Tin học, phòng Thí nghiệm, thư viện, phòng Âm nhạc, Mỹ thuật được trang bị tương đối đầy đủ, hỗ trợ tích cực cho việc dạy học các môn học mới và tích hợp.

Nhà trường cũng đã chủ động lắp đặt các thiết bị phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy như máy chiếu, tivi, bảng tương tác ở một số lớp. Hệ thống mạng internet được phủ rộng toàn trường, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên khai thác tài liệu, học liệu điện tử.

+ Tồn tại: Tuy nhiên, một số khó khăn vẫn còn tồn tại như: thiết bị dạy học

thực hành đối với các môn tích hợp (Khoa học tự nhiên, Lịch sử & Địa lý) còn thiếu; một số phòng học chức năng chưa thực sự chuyên biệt; thư viện chưa phong phú về tài liệu tham khảo phù hợp chương trình mới.

Là đơn vị giáo dục tự thực, kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và các hoạt động chuyên môn của nhà trường chủ yếu được huy động từ nguồn thu học phí và các khoản đóng góp hợp pháp của phụ huynh học sinh. Nhà trường không nhận hỗ trợ ngân sách trực tiếp từ nhà nước cho hoạt động giảng dạy, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới.

Trong quá trình triển khai Chương trình GDPT 2018, trường đã chủ động cân đối nguồn thu, dành kinh phí đầu tư mua sắm sách giáo khoa mới, trang thiết bị dạy học tối thiểu theo yêu cầu chương trình, xây dựng phòng học chức năng, cải tạo thư viện, mở rộng hệ thống công nghệ thông tin, đồng thời tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng giáo viên theo quy định.

4. Về kinh phí

Việc tự chủ về tài chính giúp nhà trường chủ động trong tổ chức thực hiện chương trình mới. Tuy nhiên, do phụ thuộc lớn vào nguồn thu học phí, nhà trường cũng gặp không ít khó khăn trong việc huy động kinh phí đầu tư đồng bộ thiết bị cho tất cả các môn học, đặc biệt là đối với các môn tích hợp và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Nhà trường đã và đang nỗ lực tiếp tục khai thác thêm các nguồn lực xã hội hóa giáo dục, đồng thời quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tiết kiệm, hiệu quả để đảm bảo thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Bố trí, cân đối nguồn thu hợp pháp (học phí, đóng góp tự nguyện, nguồn xã hội hóa...) để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, sách giáo khoa, tổ chức tập huấn giáo viên.

Đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện đổi mới theo đúng lộ trình, yêu cầu về điều kiện tối thiểu theo quy định tại Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai tài chính theo quy định, đảm bảo minh bạch việc sử dụng các nguồn kinh phí phục vụ công tác đổi mới.

5. Về CT, SGK, tài liệu giáo dục địa phương

- Nhận xét, đánh giá về CT, SGK của từng môn học và hoạt động giáo dục; chỉ rõ ưu điểm, hạn chế, các giải pháp thực hiện và đề xuất.

5.1. Môn Tiếng Việt / Ngữ văn

- Ưu điểm:

+ Chương trình chú trọng phát triển năng lực giao tiếp, tư duy ngôn ngữ cho học sinh.

+ Nội dung SGK phong phú, gần gũi với cuộc sống thực tế.

+ Hoạt động dạy học linh hoạt, phát huy tính chủ động của học sinh.

- Hạn chế:

+ SGK yêu cầu kỹ năng ngôn ngữ cao, chưa đồng đều với vùng miền.

- Giải pháp:

+ Giáo viên cần thiết kế thêm hoạt động phân hóa theo năng lực học sinh

+ Tăng cường dạy học vận dụng ngôn ngữ qua thực hành, giao tiếp thực tế.

5.2. Môn Toán

- Ưu điểm:

+ Chương trình giảm tải lý thuyết nặng, tăng cường thực hành, giải quyết vấn đề.

+ SGK thiết kế bài học mở, linh hoạt cho giáo viên sáng tạo dạy học.

- Hạn chế:

+ Một số bài tập trong SGK còn thiên về trình bày phương pháp, ít sáng tạo.

+ Khó khăn trong việc hướng dẫn học sinh rèn kỹ năng giải quyết vấn đề từ thực tiễn.

- Giải pháp:

+ Giáo viên tổ chức nhiều hoạt động học tập theo nhóm, trò chơi Toán học.

+ Tăng cường lồng ghép Toán học với thực tiễn đời sống.

5.3. Môn Khoa học Tự nhiên

- Ưu điểm:

+ Chương trình tích hợp, phát triển tư duy hệ thống cho học sinh.

+ Nội dung gắn thực tiễn, khuyến khích học sinh khám phá.

- Hạn chế:

+ Khối lượng kiến thức rộng, nhiều thuật ngữ khoa học khó đối với học sinh nhỏ tuổi.

+ Còn thiếu tài liệu tham khảo và thiết bị hỗ trợ thực hành.

- Giải pháp:

+ Tăng cường thí nghiệm, trải nghiệm thực tế.

+ Giáo viên tự xây dựng học liệu số, video thí nghiệm đơn giản.

5.4. Môn Lịch sử và Địa lý

- Ưu điểm:

+ Chương trình tích hợp hợp lý, giúp học sinh hiểu sâu kiến thức liên môn.

+ Nội dung SGK dễ hiểu, gần gũi.

- Hạn chế:

+ Một số chủ đề lịch sử còn nặng về sự kiện, thiếu câu hỏi mở phát triển tư duy.

-Giải pháp:

- + Tổ chức dạy học thông qua dự án, hoạt động trải nghiệm thực tế.
- + Sử dụng sơ đồ tư duy hỗ trợ học sinh hệ thống kiến thức.

5.5. Môn Tin học và Công nghệ

- Ưu điểm:

- + Chương trình cập nhật các nội dung công nghệ thông tin thiết yếu.
- + SGK thiết kế nhiều bài tập thực hành sáng tạo.

- Hạn chế:

- + Cơ sở vật chất (máy tính) chưa đồng bộ tại tất cả lớp học.

- Giải pháp:

- + Đa dạng hóa hình thức học CNTT: dạy lý thuyết kết hợp thực hành theo nhóm.

5.6. Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp

- Ưu điểm:

- + Phát triển kỹ năng sống, kỹ năng xã hội, giao tiếp cho học sinh.
- + Nội dung hoạt động phong phú, gắn thực tế cuộc sống.

- Hạn chế:

- + Một số hoạt động tổ chức còn hình thức, chưa đạt chiều sâu.
- + Thiếu nguồn lực, kinh phí tổ chức hoạt động ngoài lớp học.

- Giải pháp:

- + Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh - địa phương.
- + Chủ động thiết kế hoạt động phù hợp điều kiện cụ thể từng lớp, từng trường.

- Về tài liệu giáo dục địa phương

- + Nội dung phong phú, gần gũi, phù hợp với tâm lý lứa tuổi và môi trường sống của học sinh Hải Phòng.

- + Góp phần giáo dục lòng tự hào dân tộc, tinh thần yêu quê hương, trách nhiệm với cộng đồng.

- + Có nhiều hoạt động tích cực lồng ghép như: tìm hiểu di tích, nhân vật lịch sử, làm sản phẩm địa phương, tham quan thực tế..

- Đánh giá chung

- + Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu cho giáo viên về phương pháp giảng dạy phát triển năng lực.

- + Hỗ trợ thêm tài liệu tham khảo, học liệu số cho giáo viên và học sinh, đặc biệt với các môn tích hợp mới.

+ Tăng cường đầu tư, đổi mới phương pháp và mô hình tổ chức hoạt động giáo dục.

6. Về tổ chức thực hiện dạy học tại các cơ sở giáo dục

6.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục

+ Các tổ chuyên môn và giáo viên đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học theo hướng mở, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của học sinh và nhà trường.

+ Kế hoạch được thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, bám sát Chương trình GDPT 2018, đảm bảo phân bổ thời lượng phù hợp từng chủ đề, nội dung học tập.

+ Nhà trường tổ chức thẩm định kế hoạch giáo dục môn học trước khi triển khai đại trà; công khai kế hoạch trên website trường để phụ huynh, học sinh theo dõi.

6.2. Đổi mới phương pháp giáo dục

+ Giáo viên đã từng bước chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

+ Tăng cường dạy học theo hướng trải nghiệm, dự án, tích hợp, sử dụng công nghệ thông tin, học liệu số.

+ Tổ chức các hoạt động nhóm, trò chơi học tập, STEM, tạo cơ hội cho học sinh được khám phá, thảo luận, trình bày ý kiến.

6.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

+ Triển khai đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (cấp Tiểu học) và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT (cấp THCS).

+ Đa dạng hóa hình thức đánh giá: đánh giá qua sản phẩm học tập, hồ sơ học tập, thuyết trình, bài kiểm tra trên giấy, phiếu học tập...

+ Giáo viên chú trọng đánh giá thường xuyên, đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, kết hợp nhận xét với điểm số.

6.4. Hỗ trợ giáo viên

+ Nhà trường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, dự giờ, góp ý, bồi dưỡng qua nhóm tổ chuyên môn.

+ Tổ chức các buổi tập huấn nội bộ về xây dựng kế hoạch bài dạy, đổi mới kiểm tra – đánh giá, sử dụng SGK và học liệu điện tử.

+ Đội ngũ giáo viên cốt cán trong quận đã hỗ trợ giáo viên mới trong quá trình chuyển đổi sang chương trình GDPT 2018.

6.5. Kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm

+ Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học, hồ sơ giáo viên và tổ chức lớp học.

+ Sau mỗi học kỳ và năm học, tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm, điều chỉnh kế hoạch dạy học cho phù hợp hơn với thực tế.

+ Báo cáo kết quả triển khai được gửi về Phòng GD&ĐT đúng thời gian quy định.

Dánh giá chung

+ Ưu điểm

+ Đội ngũ giáo viên có tinh thần đổi mới, tích cực học hỏi và ứng dụng phương pháp dạy học hiện đại.

+ Kế hoạch giáo dục được xây dựng bài bản, có điều chỉnh phù hợp với từng khối lớp, từng học kỳ.

+ Việc kiểm tra, đánh giá học sinh ngày càng phát huy hiệu quả, giúp học sinh tiến bộ rõ rệt.

+ Công tác hỗ trợ, bồi dưỡng giáo viên được duy trì thường xuyên, sát với yêu cầu chương trình mới.

+ Tồn tại

+ Một số giáo viên còn gặp khó khăn trong việc thiết kế hoạt động học phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực học sinh.

+ Hình thức đánh giá đa dạng nhưng việc áp dụng còn chưa đồng đều giữa các lớp.

+ Áp lực thời gian khiến giáo viên chưa có điều kiện đầu tư sâu cho việc nghiên cứu bài dạy, xây dựng học liệu riêng.

7. Về xã hội hóa giáo dục, công tác truyền thông

+ Tuyên truyền qua website nhà trường, fanpage, bảng tin điện tử, nhóm Zalo/Email phụ huynh học sinh.

+ Tổ chức họp phụ huynh đầu năm học để giới thiệu nội dung chương trình, phương pháp dạy học, thay đổi về sách giáo khoa, kiểm tra – đánh giá.

+ Phối hợp với báo chí địa phương, đài truyền hình để đưa tin các hoạt động chuyên môn, đổi mới dạy học.

8. Kết quả đạt được: (Bảng 6, 7- PL2)

+ Phụ huynh học sinh nắm bắt tốt các thay đổi trong chương trình và phương pháp dạy học mới, phối hợp tích cực với nhà trường trong quá trình giáo dục học sinh.

+ Giáo viên, nhân viên nhà trường đồng thuận, chủ động tham gia truyền thông nội bộ và ngoài cộng đồng.

+ Nhiều hoạt động tiêu biểu của nhà trường được phụ huynh ghi nhận và chia sẻ trên mạng xã hội, góp phần quảng bá thương hiệu giáo dục nhà trường.

+ Việc tuyên truyền còn mang tính thời điểm, chưa thực sự thường xuyên, liên tục.

+ Một bộ phận phụ huynh vẫn còn tâm lý so sánh chương trình mới với chương trình cũ, chưa hoàn toàn yên tâm khi thấy sự khác biệt về sách, cách dạy và cách đánh giá.

+ Nhà trường còn hạn chế trong việc sản xuất các sản phẩm truyền thông chuyên nghiệp (video clip, ấn phẩm trực quan...).

+ Tăng cường truyền thông nội bộ trong đội ngũ giáo viên để đảm bảo sự thống nhất nhận thức và hành động.

+ Chủ động sản xuất học liệu truyền thông đơn giản (video ngắn, infographic...) để giải thích rõ ràng về phương pháp, đánh giá, mục tiêu giáo dục.

+ Phối hợp tốt hơn với phụ huynh thông qua các kênh online (Zalo, Facebook, công thông tin) để cung cấp thông tin chính thống.

+ Kiến nghị Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT hỗ trợ tài liệu, học liệu truyền thông chuẩn để các trường sử dụng thống nhất và hiệu quả hơn.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Ưu điểm

+ Nhà trường đã triển khai nghiêm túc, đúng tiến độ theo lộ trình Chương trình GDPT 2018 được Bộ GD&ĐT, UBND TP Hải Phòng và Sở GD&ĐT chỉ đạo

+ Kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch bài dạy của giáo viên được xây dựng bài bản, linh hoạt, bám sát chương trình mới

+ Đội ngũ giáo viên tích cực học hỏi, tham gia đầy đủ tập huấn, từng bước làm chủ phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh.

+ Học sinh được tiếp cận nội dung học tập phong phú, thực tiễn hơn, thể hiện sự tiến bộ về năng lực tự học, hợp tác và giải quyết vấn đề.

+ Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh được đổi mới theo hướng toàn diện, giảm áp lực điểm số, tăng cường đánh giá vì sự tiến bộ.

+ Sự phối hợp giữa nhà trường – phụ huynh – cộng đồng ngày càng chặt chẽ, hỗ trợ tích cực cho việc đổi mới giáo dục.

Hạn chế

+ Một số giáo viên vẫn còn lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

+ Việc đổi mới kiểm tra, đánh giá tuy đã triển khai nhưng chưa đồng đều giữa các khối lớp, môn học.

+ Thiết bị dạy học, học liệu bổ trợ cho chương trình mới (đặc biệt là các môn tích hợp, trải nghiệm) chưa thực sự đồng bộ.

+ Công tác truyền thông về đổi mới chương trình tại một số thời điểm chưa sâu rộng, dẫn đến một bộ phận phụ huynh còn chưa hiểu rõ.

Nguyên nhân và giải pháp

Nguyên nhân:

+ Chương trình GDPT 2018 là đổi mới toàn diện, đồng bộ, đòi hỏi giáo viên phải thay đổi tư duy, phương pháp, điều này cần thời gian và sự hỗ trợ chuyên

môn liên tục.

+ Cơ sở vật chất của trường tư thục chủ yếu phụ thuộc vào nguồn học phí và xã hội hóa, nên chưa thể đầu tư đồng bộ ngay từ đầu.

+ Tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình mới ở một số môn còn hạn chế, gây khó khăn cho việc triển khai.

Giải pháp:

+ Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học hiệu quả.

+ Chủ động khai thác và phát triển học liệu số, tận dụng tối đa trang thiết bị sẵn có; huy động thêm nguồn xã hội hóa phục vụ giảng dạy.

+ Đẩy mạnh truyền thông trong toàn thể giáo viên – phụ huynh – học sinh để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận.

+ Phối hợp chặt chẽ với Phòng/Sở GD&ĐT để kịp thời tiếp nhận chỉ đạo, tập huấn chuyên môn và giải đáp khó khăn phát sinh.

Bài học kinh nghiệm

+ Sự chủ động, đồng bộ và linh hoạt trong tổ chức thực hiện là yếu tố then chốt để triển khai hiệu quả chương trình mới.

+ Đổi mới phương pháp giáo dục không thể áp đặt mà cần khuyến khích giáo viên tự học, tự thay đổi trên nền tảng hỗ trợ chuyên môn thường xuyên.

+ Công tác truyền thông nội bộ và với phụ huynh cần đi trước một bước, đảm bảo tạo sự đồng thuận trong đổi mới giáo dục.

+ Việc đầu tư vào bồi dưỡng giáo viên và phát triển học liệu hỗ trợ dạy học phải được ưu tiên hàng đầu trong quá trình chuyển đổi chương trình.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO

+ Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng lộ trình của Bộ GD&ĐT, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh các khối lớp.

+ Tập trung bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm, năng lực xây dựng học liệu và tổ chức dạy học phát triển phẩm chất – năng lực cho đội ngũ giáo viên, nhất là các môn tích hợp và hoạt động giáo dục bắt buộc mới.

+ Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh; tăng cường sử dụng học liệu số, công nghệ thông tin trong giảng dạy và kiểm tra.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, ưu tiên các môn học đặc thù và các khối lớp thực hiện chương trình mới trong năm học tới; từng bước chuẩn hóa các phòng học chức năng.

+ Tăng cường công tác truyền thông giáo dục, giúp phụ huynh, học sinh, giáo viên và cộng đồng hiểu đúng, ủng hộ và đồng hành cùng nhà trường trong việc thực hiện đổi mới giáo dục.

+ Phát huy tính tự chủ, linh hoạt của nhà trường tư thục trong huy động nguồn lực, xây dựng môi trường học tập hiện đại, sáng tạo, lấy học sinh làm trung tâm.

+ Phối hợp chặt chẽ với Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT và các tổ chức giáo dục, tích cực tham gia các hoạt động tập huấn, kiểm tra, đánh giá và chia sẻ kinh nghiệm triển khai chương trình mới

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chương trình và sách giáo khoa ở các môn học còn bất cập, đảm bảo phù hợp với thực tiễn dạy học.
 - + Cung cấp thêm tài liệu hướng dẫn chi tiết cho giáo viên trong việc thiết kế bài học phát triển năng lực học sinh, đặc biệt với các môn tích hợp và hoạt động trải nghiệm.
 - + Xây dựng ngân hàng câu hỏi, bài tập, học liệu số theo chương trình GDPT 2018 để các cơ sở giáo dục khai thác và sử dụng.
2. Đối với UBND Thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng
 - + Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu theo môn học, theo năng lực thực tiễn cho giáo viên, đặc biệt là các môn học mới, môn tích hợp.
 - + Hỗ trợ các trường tư thục tiếp cận nguồn học liệu, sách tham khảo, phần mềm hỗ trợ dạy học phù hợp với chương trình mới.
 - + Xây dựng cơ chế khuyến khích xã hội hóa giáo dục để các trường có điều kiện đầu tư đồng bộ thiết bị, nâng cao chất lượng triển khai chương trình.
3. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo
 - + Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, hỗ trợ trực tiếp cho các trường trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục.
 - + Tổ chức các diễn đàn, sinh hoạt chuyên môn liên trường để chia sẻ kinh nghiệm thực hiện CTGDPT 2018.
 - + Cung cấp thêm tài liệu tập huấn, học liệu minh họa và tổ chức tập huấn sát với thực tế lớp học.
4. Đối với nhà trường
 - + Chủ động huy động nguồn lực tài chính hợp pháp để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ chương trình mới.
 - + Đẩy mạnh công tác truyền thông tới phụ huynh, cộng đồng để tạo sự đồng thuận trong quá trình đổi mới giáo dục.
 - + Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng đổi mới thực chất, lấy hiệu quả dạy học làm trọng tâm.

Nơi nhận:


- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.



Bảng 1. Phụ lục 02
Bảng thống kê các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đổi mới CT, SGK 2018

TT	Cấp ban hành	Nội dung	Tên và số văn bản
1	UBND TP	<ol style="list-style-type: none"> Quyết định phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1 năm học 2020-2021 trên địa bàn TP Hải Phòng Kế hoạch triển khai thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT 2018 đối với lớp 2 và lớp 6 năm học 2021-2022 Kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 3, lớp 7, lớp 10 năm học 2022-2023 Kế hoạch triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 4, lớp 8, lớp 11 năm học 2023-2024 	<ol style="list-style-type: none"> Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 08/01/2021 Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 22/02/2022 Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 17/02/2023
2	Sở GDĐT	<ol style="list-style-type: none"> Kế hoạch triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022. Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học cấp THCS, THPT năm học 2021-2022. Hướng dẫn triển khai chương trình lớp 3, lớp 7, lớp 10 năm học 2022-2023. Kế hoạch triển khai các hoạt động giáo dục phổ thông đổi mới tại Hải Phòng. Về việc tổ chức thực hiện chương trình GDPT 2018 cho lớp 4, lớp 8, lớp 11 năm học 2023-2024. Hướng dẫn chuẩn bị cho việc triển khai chương trình GDPT 2018 lớp 5, 9, 12 trong năm học 2024-2025. 	<ol style="list-style-type: none"> Kế hoạch số 1547/KH-SGDĐT ngày 10/8/2021 Công văn số 1892/SGDĐT-GDTrH ngày 20/8/2021 Công văn số 1375/SGDĐT-GDTH ngày 15/8/2022 Kế hoạch số 321/KH-SGDĐT ngày 28/2/2023 Công văn số 2010/SGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2023 Công văn số 745/SGDĐT-GDTrH ngày 26/3/2024

3	Phòng GDĐT	<ol style="list-style-type: none"> Hướng dẫn tổ chức đề xuất danh mục lựa chọn SGK lớp 6 năm học 2021-2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân Tổ chức lựa chọn SGK theo CTGDPT 2018 - năm học 2021-2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân PGDDT thực hiện chuyên môn Chương trình GDPT 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân thực hiện nội dung chuyên môn CT GDPT 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân Về việc đề xuất danh mục SGK. Kế hoạch xây dựng hệ thống bài dạy điện tử theo CT GDPT 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân Tổ chức góp ý các bản mẫu sách giáo khoa lớp 9 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân Hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa từ năm học 2024-2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân Hướng dẫn tổ chức lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục THCS năm học 2024-2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân Hướng dẫn thông báo danh mục sách giáo khoa được phê duyệt và thống kê số lượng sách giáo khoa cần cung ứng để sử dụng trong năm học 2024-2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Lê Chân 	<ol style="list-style-type: none"> Công văn số 18-PGD ngày 04/3/2021 Công văn số 26-PGDĐT ngày 17/3/2021 Công văn số 57-PGDĐT ngày 26/7/2021 Công văn số 60-PGDĐT ngày 30/7/2021 Công văn số 07/PGDĐT Kế hoạch số 45 ngày 02/10/2023 Công văn số 256/PGDĐT ngày 29/12/2023 Công văn số 47/PGDĐT ngày 21/02/2024 Công văn số 67/PGDĐT ngày 05/3/2024 Công văn số 162-PGDĐT ngày 17/6/2024
4	Trường	<ol style="list-style-type: none"> Thành lập Hội đồng đề xuất lựa chọn SGK lớp 9. Điều chỉnh danh mục SGK lớp 6,7,8 Tổ chức Hướng dẫn đề xuất danh mục lựa chọn SGK lớp 9, điều chỉnh danh mục SGK lớp 6,7,8 trong trường THCS cho năm học 2024-2025 Triển khai lựa chọn và đề xuất danh mục SGK của tổ KHTN và KHXH sử dụng trong năm học 2024-2025. Danh mục phê duyệt SGK lớp 6.7.8.9 sử dụng trong cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Danh mục SGK nhà trường sử dụng trong năm học 2025-2026. 	<ol style="list-style-type: none"> QĐ số 03/QĐ -TH&THCS VA ngày 05/3/2024 Kế hoạch số 04/KH-TH&THCS VA ngày 05/3/2024 Kế hoạch số 05/KH-THCS VA ngày 06/3/2024 Thông báo số 05/TB-TH&THCS VA ngày 18/3/2024 Thông báo số 11/TB-TH&THCS VA ngày 18/4/2025



TRƯỜNG
 NGUYỄN CHÍ DŨNG

Bảng 6. Phụ Lục 02
Bảng thống kê kết quả rèn luyện phẩm chất của học sinh trung học

Năm học	Khối lớp	Tốt %	Khá %	Đạt %	Chưa đạt %
2021-2022	Lớp 6	100	0	0	0
2022-2023	Lớp 6	100	0	0	0
	Lớp 7	100	0	0	0
2023-2024	Lớp 6	73.81	23.8	0	0
	Lớp 7	90.91	9.09	0	0
	Lớp 8	100	0	0	0
2024-2025	Lớp 6	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá
	Lớp 7	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá
	Lớp 8	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá
	Lớp 9	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá



HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC VÀ
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 VIỆT-ANH
 *
 Nguyễn Chí Dũng

TRƯỜNG TH & THCS VIỆT - ANH

Bảng 7. Phụ lục
Bảng thống kê kết quả học tập của học sinh trung học

Năm học	Khối lớp	Tốt %	Khá %	Đạt %	Chưa đạt %
2021-2022	Lớp 6	7.69	53.85	38.46	0
2022-2023	Lớp 6	23.08	53.85	23.08	0
	Lớp 7	54.55	36.36	9.09	0
2023-2024	Lớp 6	47.06	41.18	11.76	0
	Lớp 7	27.27	45.45	27.27	0
	Lớp 8	75	0	25	0
2024-2025	Lớp 6	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá
	Lớp 7	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá
	Lớp 8	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá
	Lớp 9	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá	chưa đánh giá

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC VÀ
TRUNG HỌC CƠ SỞ
VIỆT-ANH
NGUYỄN CHÍ DŨNG